TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; Ông Nguyễn Sỹ Quân.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2021/TLST - HNGĐ, ngày 22/11/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/01/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB – TA ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1991. HKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Chổ ở hiện nay: Tổ dân phố P, phường L, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt tại phiên tòa)

2. ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Tiến N**; sinh năm 1986. HKTT: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Singapor. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người tham gia tố tụng khác:

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962, HKTT: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Cháu **Nguyễn Phạm Bảo Y**, sinh năm 2011, HKTT: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện , lời khai có tại hồ sơ vụ án , chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Tiến N kết hôn với nhau vào ngày 23/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh . Trước khi kết hôn chị H và anh N được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hơn hai năm. Đến giữa năm 2012, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau đó lại chuyển sang lao động tại Singapor. Quá trình anh N lao động tại nước ngoài vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải cọ nhau. Năm 2014, chị H chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Y. Thời gian sau đó, vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên tình cảm cứ thế phai nhạt dần. Tính đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau 7 năm, chị H không rõ địa chỉ cụ thể của anh N tại Singapor, hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đ ạt được. Vì vậy, chị H làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về quan hệ con chung: Quá trình hôn nhân giữa chị H và anh N có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh bị đơn anh Nguyễn Tiến N trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị H đã trình bày. Anh kết hôn với chị H vào ngày 23/02/2011 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan sau đó sang Singapor, vợ chồng sống cách xa nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại, anh cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, nên chị H làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung, giữa anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011, lâu nay cháu sống cùng bà nội Nguyễn Thị T tại thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, khi Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến N; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm, cản trở. Về tài sản chung , nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét . Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 29361/QLXNC-P5, ngày 02/12/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ C ông an, xác nhận: Anh Nguyễn Tiến N, sinh ngày 25/01/1986 số CMTND 183448335, HKTT: Xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 19 lần, xuất cảnh gần đây nhất ngày 21/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân anh Nguyễn Tiến N là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ) bà cho biết: Anh Nguyễn Tiến N hiện đang lao động tại Singapor nhưng địa chỉ cụ thể bà không rõ. N thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, biết việc H làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, mâu thuẫn cụ thể giữa N và H thế nào bà không rõ, N cho biết vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên đồng ý ly hôn; Về con chung giữa N và H có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011, cháu sống cùng bà từ nhỏ đến nay, nên khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị H đóng góp gì; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Bà đồng ý việc Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng thông qua bà, bà cũng cam đoan sẽ gửi và thông tin đầy đủ cho N, nếu N gửi tài liệu gì về thì bà sẽ giao nộp cho Tòa án.

[1.2] Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2021 (bl 31, 32), Tòa án cũng đã tiến hành điện thoại trực tiếp cho anh Nguyễn Tiến N qua ứng dụng zalo trên điện thoại với sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị T và chính quyền địa phương, anh N nhận điện thoại và nói rõ mâu thuẫn vợ chồng, nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung giữa anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011, lâu nay cháu sống cùng bà nội Nguyễn Thị T tại thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, khi Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh đang lao động tự do tại Singapor, anh chưa thể về Việt N để tham gia giải quyết việc ly hôn, anh đồng ý việc Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua bà mẹ đẻ bà Nguyễn Thị T, anh cũng đồng ý ly hôn vắng mặt nếu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt N ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tiến N theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Tiến N đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 23/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, Huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị H và anh N đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị H và anh N không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến N để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Tiến N có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011. Khi ly hôn, chị H và anh N đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Yêu cầu, nguyện vọng của chị H và anh N là chính đáng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhận được Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Phạm Bảo Y (bl 12), tại biên bản xác minh có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và bà nội Nguyễn Thị T (bl 30, 33) cháu Nguyễn Phạm Bảo Y giữ nguyên nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ lý do vì cháu là con gái cháu rất thương mẹ muốn được sống cùng mẹ để mẹ gần gũi và quan tâm, chăm sóc cháu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục nhận được Đơn tường trình của cháu Bảo Y về lý do vắng mặt tại phiên tòa và nguyện vọng muốn sống cùng mẹ Phạm Thị H. Xét nguyện vọng của cháu Bảo Y là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, bản thân cháu là con gái, cháu cũng đã bước vào độ tuổi dậy thì việc cháu quyết định ở với mẹ là phù hợp. Chị Phạm Thị H có công việc làm ổn định, thu nhập 9.500.000đ/tháng tại Công ty TNHH Thanh B (địa chỉ Tổ dân phố L, Phường L, Thị xã K) đảm bảo điều kiện để nuôi cháu Bảo Y. Anh Nguyễn Tiến N hiện tại đang đi xuất khẩu lao động tại Singapor chưa biết thời gian nào mới về Việt N, anh có nguyện vọng nuôi con nhưng tính chất công việc anh thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, nên không thể trực tiếp chăm sóc cháu Bảo Y. Anh mong muốn Tòa án giao cháu Bảo Yến cho bà nội Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh vắng mặt tại Việt N nhưng cháu Bảo Y lại không đồng ý. Do đó, cần căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị

Phạm Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Anh Nguyễn Tiến N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83,123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt N ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn với anh Nguyễn Tiến N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Bảo Y, sinh ngày 26/6/2011 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Tiến N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000060 ngày 22/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Cẩm Nhượng;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Thị Thiện

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Hồng **Nguyễn Sỹ Quân** **Trịnh Thị Thiện**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Liên;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Hiền